



CẬP NHẬT NGÀNH BẢO HIỂM VIỆT NAM

Tháng 9, 2021

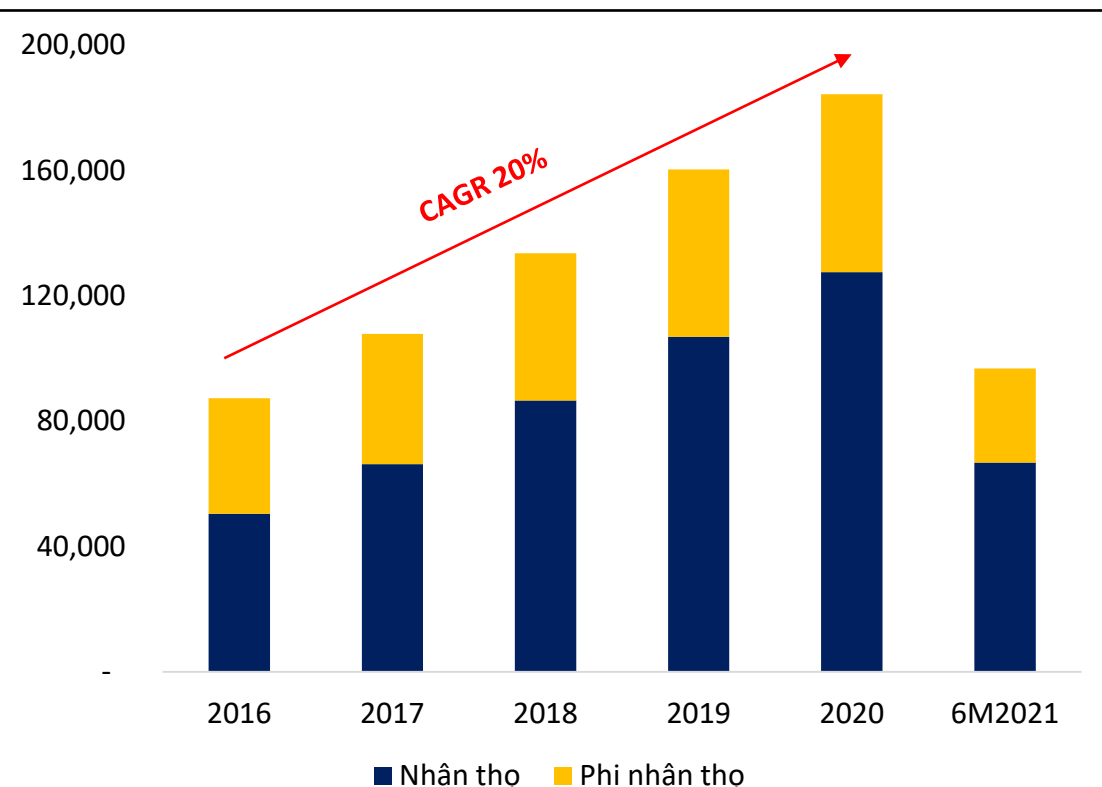


NHỮNG ĐIỂM CHÍNH

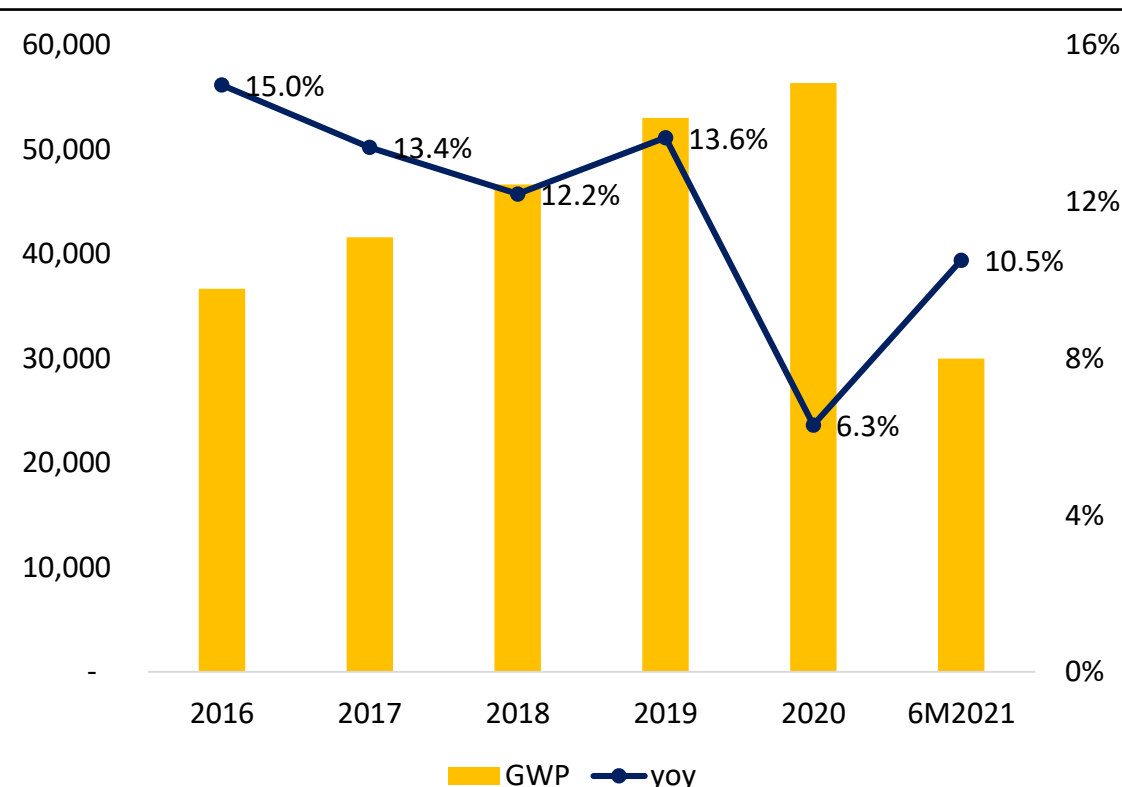
Doanh thu phí bảo hiểm tiếp tục tăng trưởng

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ 6M2021 đạt 66,818 tỷ VND (+19.4% yoy)
- Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng trên 10% trong 6M2021, với tổng doanh thu phí đạt 29,981 tỷ VND.

Doanh thu phí bảo hiểm (tỷ VND)



Bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng trên 10% trong 6M2021



Nguồn: Niên giám thống kê bảo hiểm

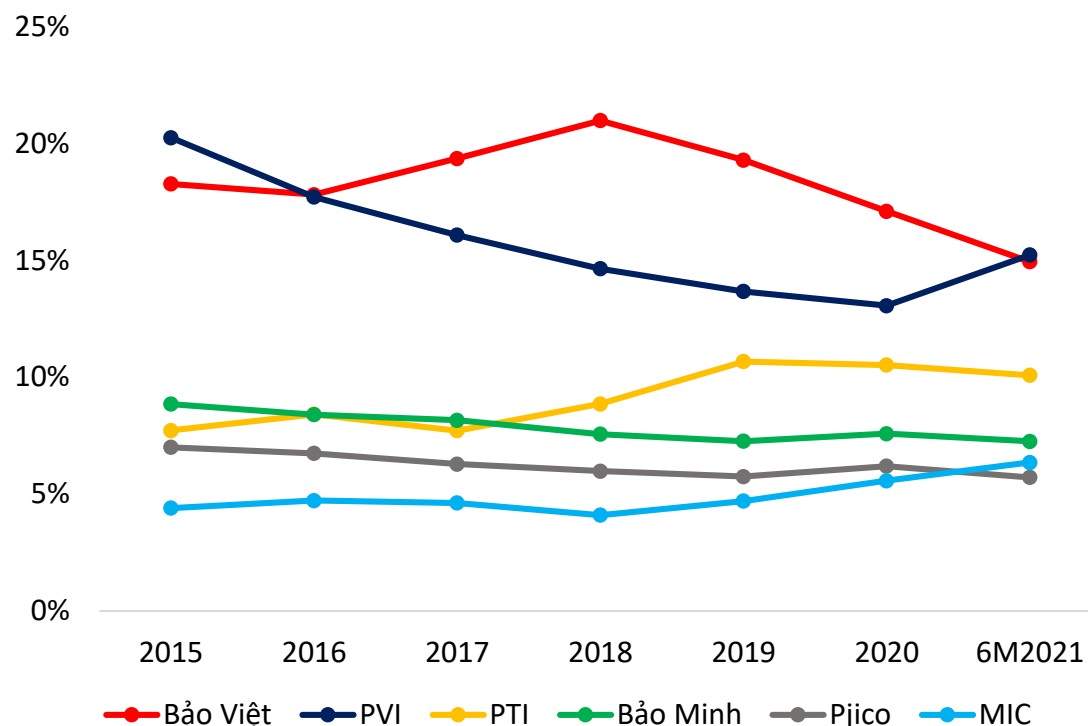
NHỮNG ĐIỂM CHÍNH

Cuộc chiến giành thị phần đang rất gay gắt giữa các công ty bảo hiểm, cả bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ

Các công ty bảo hiểm nước ngoài đang dần chiếm lĩnh thị trường bảo hiểm nhân thọ

	6M2021	5Y change	YTD
AIA	10.8%	1.5%	-0.3%
AVIVA	1.9%	0.5%	-0.5%
BaoViet Life	20.8%	-6.0%	-0.9%
BIDV Metlife	0.7%	0.2%	-0.3%
Cathay Life	1.5%	0.9%	0.3%
Chubb Life	2.9%	-1.2%	-0.3%
Dai-ichi Life	12.1%	1.6%	0.0%
Fubon Life	0.1%	0.0%	0.0%
FWD	2.4%	2.3%	0.5%
Generali	2.6%	0.0%	-0.3%
Hanwha Life	2.6%	0.5%	0.0%
Manulife	19.0%	6.9%	3.5%
MB Ageas	3.1%	3.1%	0.4%
Phu Hung Life	0.4%	0.3%	0.1%
Prudential	16.0%	-10.7%	-3.5%
Sun Life	2.5%	0.8%	1.5%

Top 6 doanh nghiệp hàng đầu chiếm khoảng 60% thị phần bảo hiểm phi nhân thọ

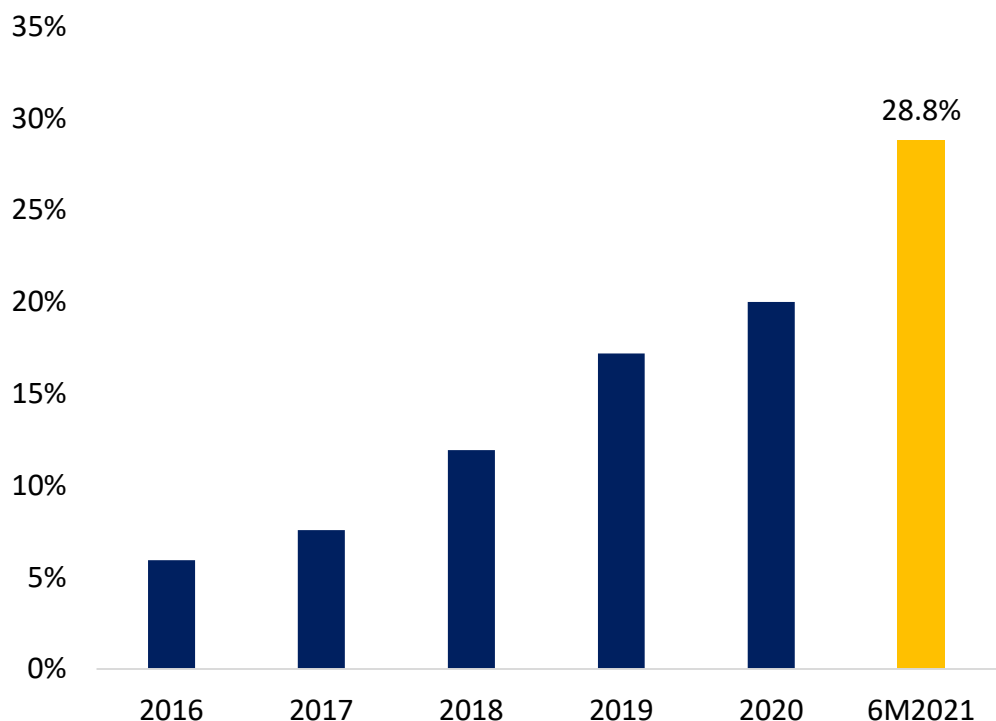


Nguồn: AVI, Niên giám thống kê bảo hiểm

NHỮNG ĐIỂM CHÍNH

Bancassurance ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm

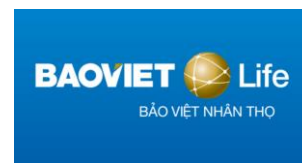
Tỷ lệ thâm nhập của kênh Bancassurance



Nguồn: AVI, BSC Research

Các thương vụ bancassurance nổi bật gần đây

04/2021



03/2021



12/2020



11/2020



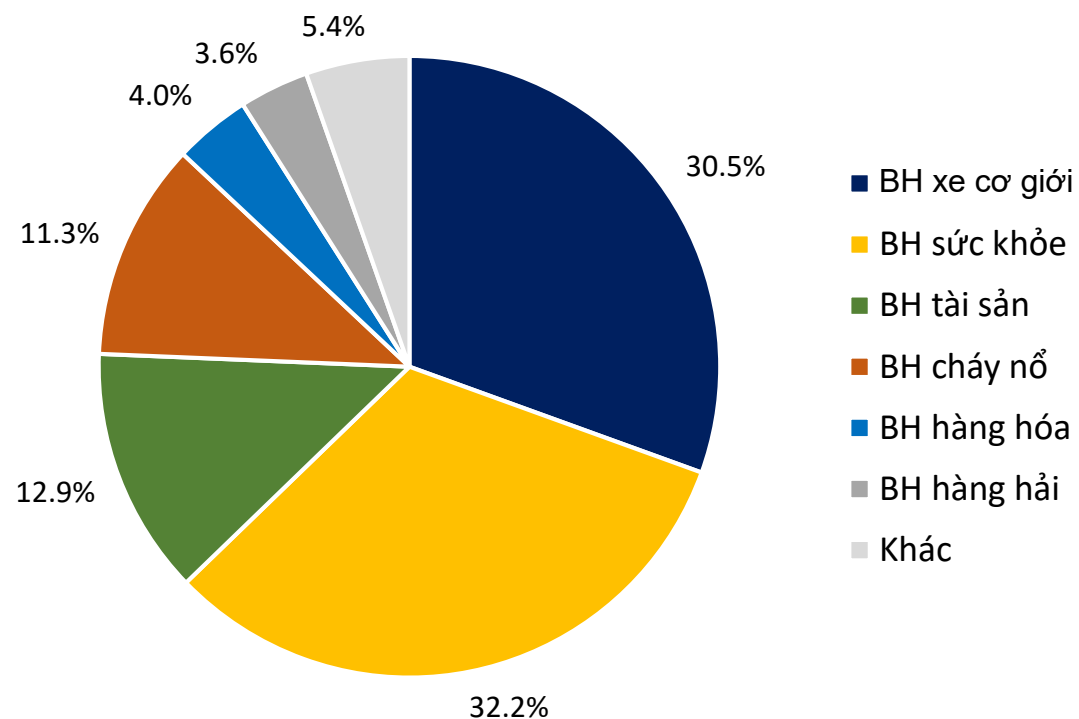
11/2019



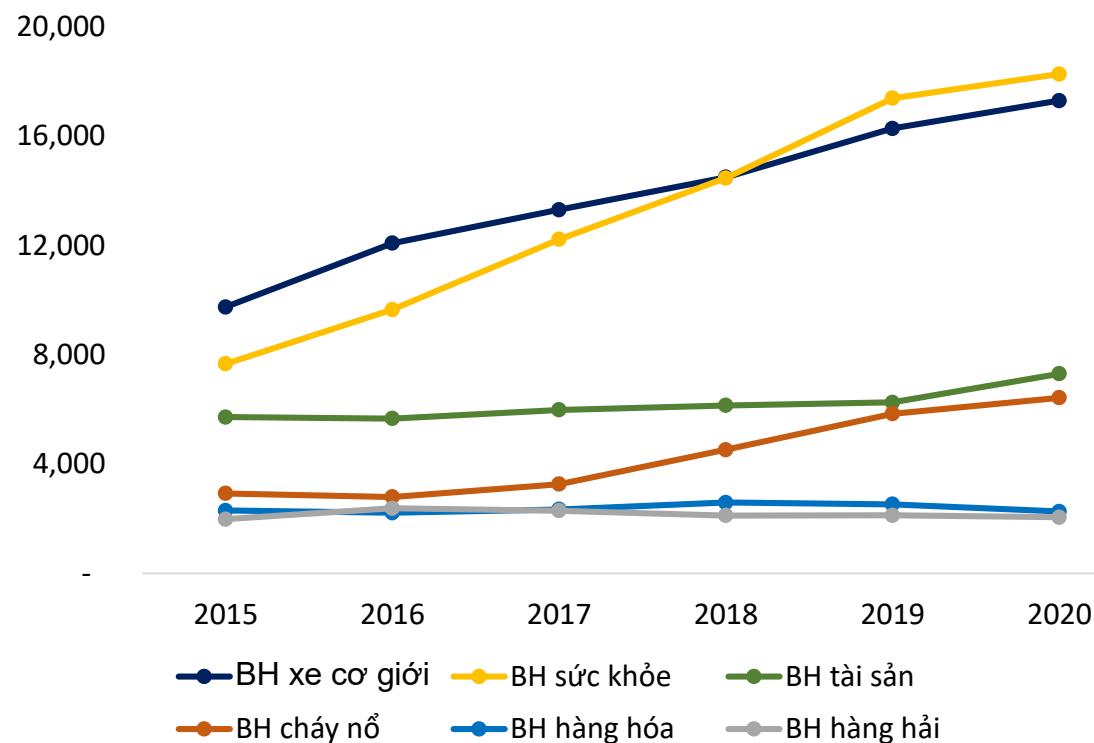
NHỮNG ĐIỂM CHÍNH

- Bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm sức khỏe vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của bảo hiểm phi nhân thọ
- Doanh thu phí từ sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có xu hướng tăng mạnh qua các năm

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm theo sản phẩm



Doanh thu phí BH sức khỏe có xu hướng tăng mạnh

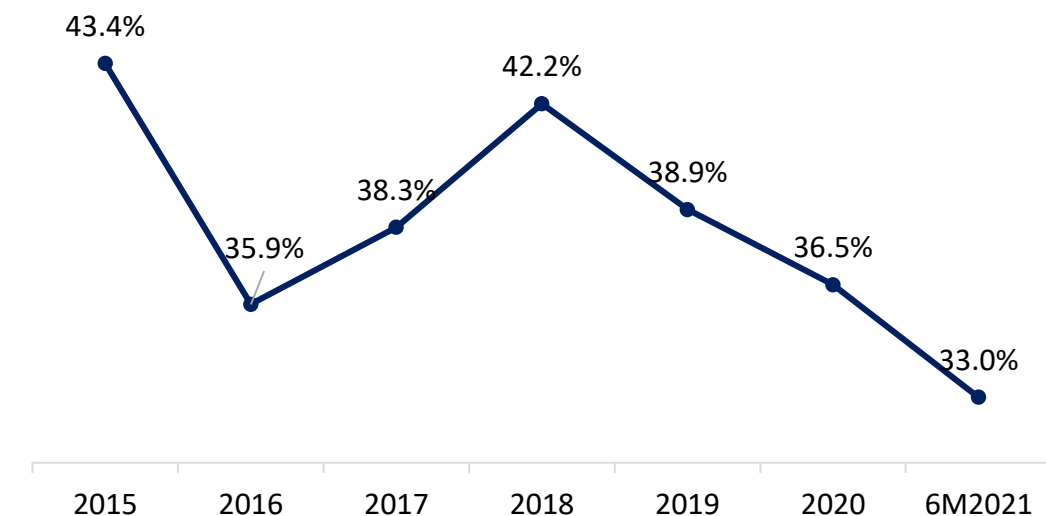


Nguồn: Niên giám thống kê bảo hiểm

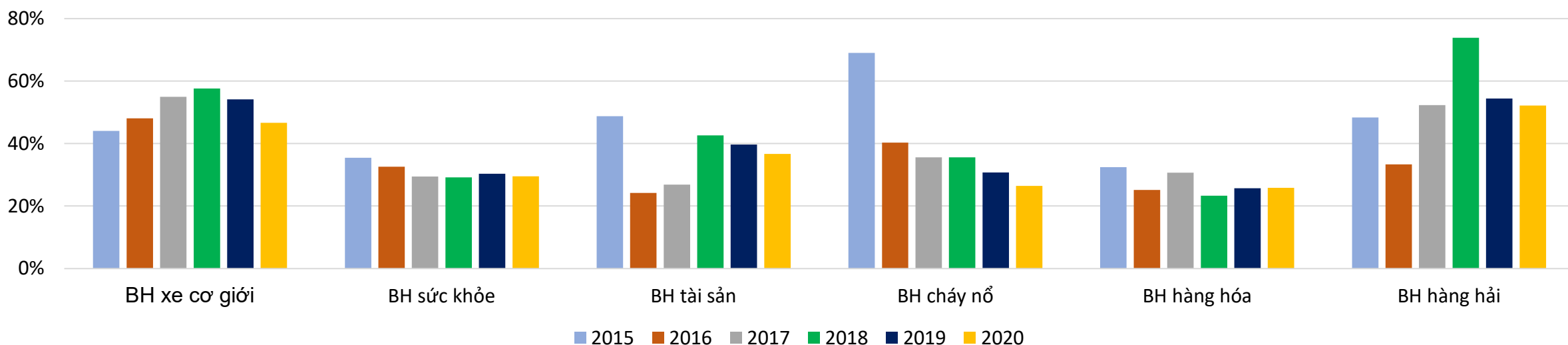
NHỮNG ĐIỂM CHÍNH

- Tỷ lệ bồi thường có xu hướng giảm thời gian gần đây.
- Các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe có tỷ lệ bồi thường thấp hơn đáng kể so với các sản phẩm bảo hiểm xe.

Tỷ lệ bồi thường BH phi nhân thọ / doanh thu phí gốc *



Tỷ lệ bồi thường trên từng sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

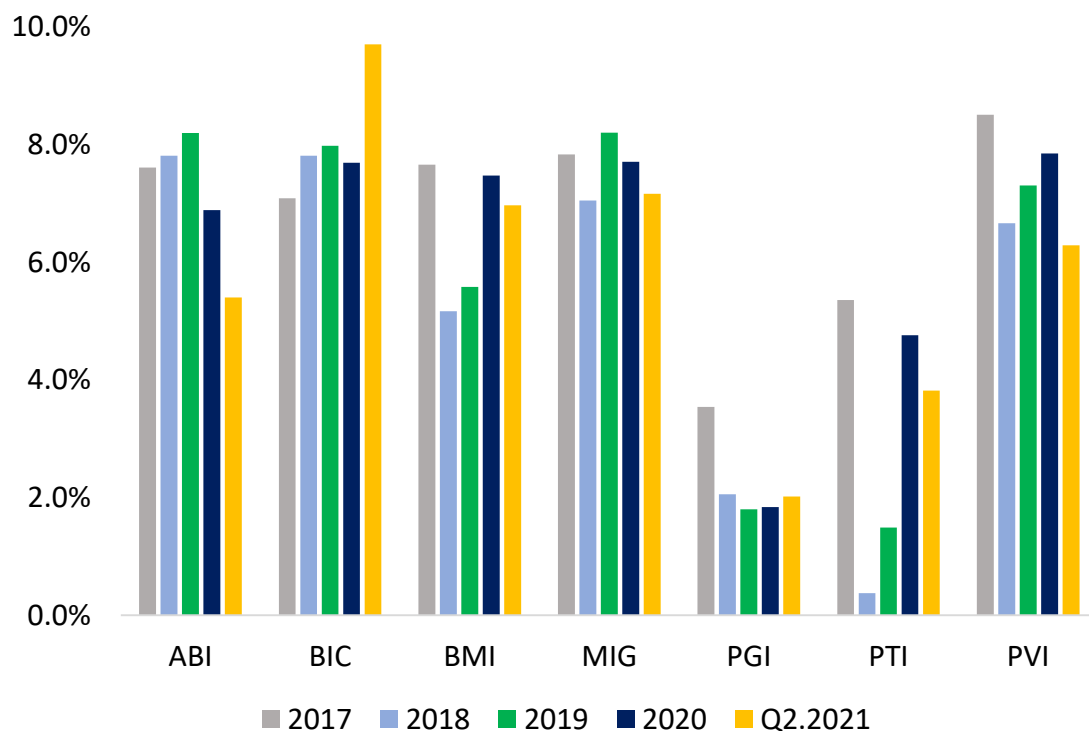


* Các công ty được tính trong thống kê: ABI, BIC, BMI, BVH, MIG, PGI, PTI, PVI

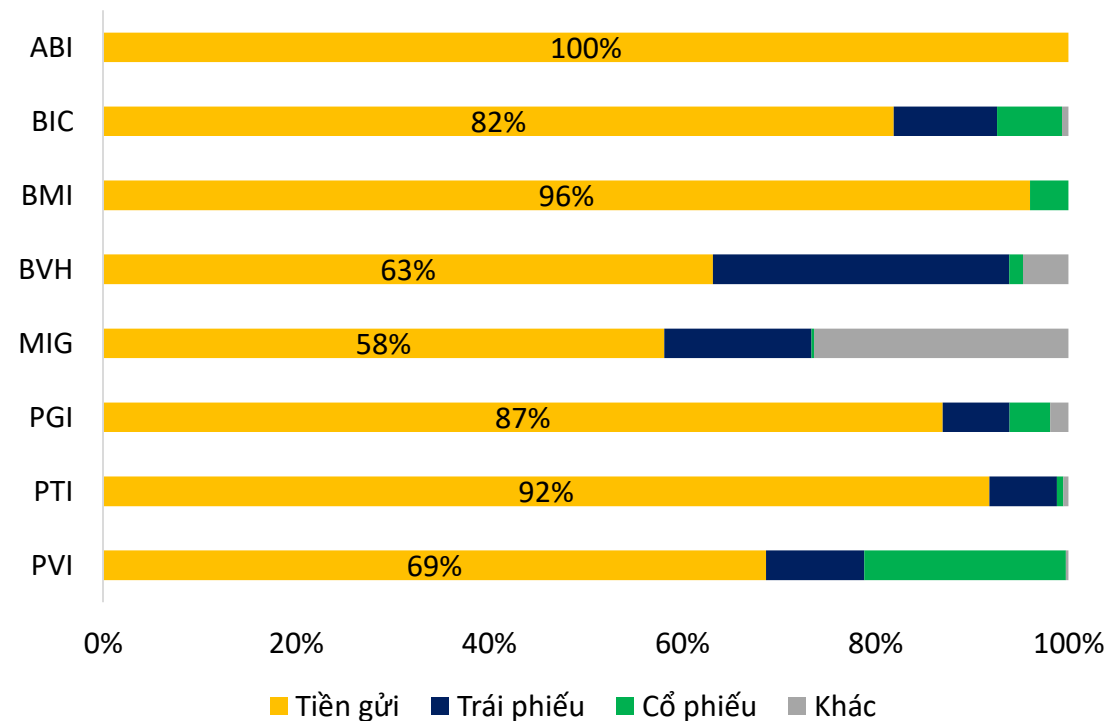
Nguồn: Niên giám thống kê bảo hiểm, BSC Research

- Thị trường chứng khoán sôi động giúp hoạt động đầu tư tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm tăng trưởng so với cùng kỳ.
- Lãi suất thấp làm giảm thu nhập tài chính của các công ty bảo hiểm tập trung vào tiền gửi.

Yield đầu tư của các BNBH phi nhân thọ *



Tiền gửi chiếm hơn 80% danh mục đầu tư của các DNBH

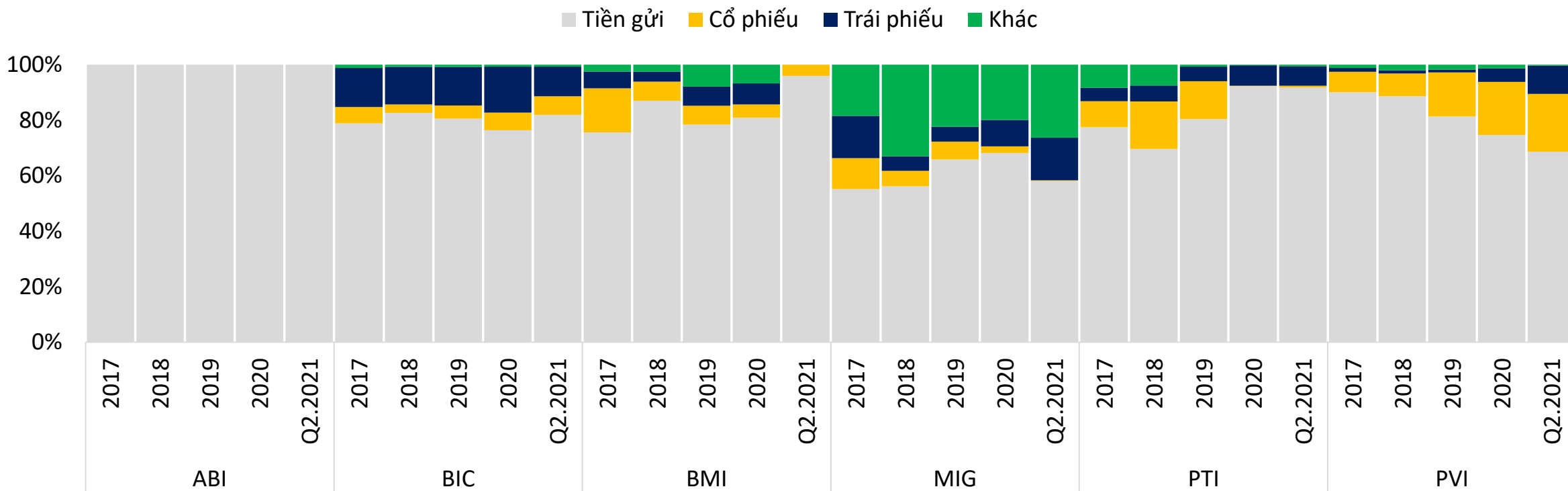


Nguồn: BCTC các công ty, BSC Research

* Yield đầu tư được tính bằng lợi nhuận tài chính / giá trị gốc các khoản đầu tư tài chính đầu năm

- ABI tập trung toàn bộ vào tiền gửi, BIC tập trung vào trái phiếu, trong khi MIG đa dạng hóa thông qua ủy thác đầu tư tại MB Capital.
- PVI có xu hướng tăng dần tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu & trái phiếu.

Cơ cấu danh mục đầu tư của các BNBH



TRIỂN VỌNG NGÀNH 2021

- Hầu hết các doanh nghiệp bảo hiểm đều đặt mục tiêu tăng trưởng âm hoặc thấp trong năm 2021 do môi trường lãi suất thấp.
- Việc nới “room” cho NĐT nước ngoài có thể giúp các công ty bảo hiểm được định giá lại.
- Cổ phiếu có tiềm năng thoái vốn: BMI, MIG

KQKD 6M2021										Kế hoạch 2021		Định giá	
	Doanh thu phí	% YoY	LN HĐKD bảo hiểm	% YoY	LNST	% YoY	Tỷ lệ bồi thường	Tỷ lệ kết hợp	ROE	Tăng trưởng DT phí	Tăng trưởng LNTT	PB	PE
ABI	910	6%	146	5%	167	1%	30%	83%	28.3%	8%	-18%	2.0	7.8
BIC	1,420	18%	33	-42%	179	13%	32%	97%	12.9%	6%	-22%	1.4	10.8
BMI	2,302	-2%	41	56%	120	32%	33%	98%	10.2%	-3%	19%	1.9	18.9
MIG	1,694	35%	31	746%	79	53%	33%	98%	16.1%	35%	40%	2.2	16.0
PGI	1,850	13%	166	53%	163	49%	38%	89%	14.8%	2%	-7%	1.5	10.1
PTI	2,748	-5%	30	-36%	120	-18%	35%	99%	11.1%	9%	-15%	1.4	13.5
PVI	5,107	15%	211	7%	462	2%	31%	91%	11.5%	5%	-17%	1.3	12.2
VNR	1,193	-6%	37	75%	179	53%	20%	95%	12.3%	-18%	6%	2.0	16.5
PRE	883	7%	33	-26%	65	-12%	31%	93%	14.8%	-7%	-6%	1.6	10.7